

Số: 2159 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đầu tư của Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn” tại các xã Lộc An, Bình Sơn và Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đầu tư của Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn”, họp ngày 10 tháng 01 năm 2020;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đầu tư của Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 65/CT-QLKT ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đầu tư của Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã Lộc An, Bình Sơn và Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *kh*

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- VPMC;
- Lưu: VT, TCMT (02). K.10.





**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**“Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đầu tư của Khu công nghiệp Lộc An -**  
**Bình Sơn” tại các xã Lộc An, Bình Sơn và Long An, huyện Long Thành,**  
**tỉnh Đồng Nai**

*(Kèm theo Quyết định số 2159 /QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E, Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện: ông Nguyễn Thanh Tùng, Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 02513527544

- Email: [info@vrglongthanh.com.vn](mailto:info@vrglongthanh.com.vn)

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:**

**1.2.1. Phạm vi, quy mô**

Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đầu tư của Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn trên tổng diện tích 497,77 ha tại các xã Lộc An, xã Bình Sơn và xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

- Bổ sung mới 04 nhóm ngành nghề thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp, gồm: (1) nhóm ngành công nghiệp chế biến thực phẩm (không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm); (2) nhóm ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ, vật liệu tết bện; (3) nhóm ngành công nghiệp sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất giấy từ gỗ nguyên liệu và phế liệu) và (4) nhóm ngành công nghiệp hóa chất và sản phẩm hóa chất (không bao gồm sản xuất hóa chất cơ bản).

- Hoán đổi vị trí cây xăng trong Khu công nghiệp theo ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017.

Nội dung được phê duyệt không bao gồm các hạng mục: (1) khai thác nước mặt, nước ngầm; (2) khai thác vật liệu san lấp và vật liệu xây dựng; (3) xây dựng các khu tái định canh, tái định cư; (4) Khu nhà ở cho công nhân.

**1.2.2. Ngành nghề thu hút đầu tư**



### 1.2.2.1. Các ngành nghề đã được chấp thuận thu hút đầu tư

- Nhóm ngành cơ khí, luyện kim: luyện kim (không luyện kim từ quặng), cán kéo, sản phẩm sau cán; máy móc thiết bị phục vụ sân bay và ngành hàng không; máy móc thiết bị phục vụ xử lý chất thải; sản xuất các sản phẩm từ kim loại (linh kiện máy móc, trang thiết bị công trình xây dựng, kết cấu thép, tấm lợp kim loại,...); các thiết bị chưa được phân vào đâu.

- Công nghiệp gốm sứ, men sứ; thủy tinh; pha lê; sản xuất đồ gỗ gia dụng, xây dựng.

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến thực phẩm: thức ăn chế biến sẵn, bánh kẹo, rượu bia, nước giải khát và các loại thực phẩm khác.

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

- Nhóm ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: vật liệu nano, vật liệu nhẹ, kính nổi, vật liệu cách nhiệt, cách điện, polime trong xây dựng, phụ gia xi măng, bê tông tươi, bê tông đúc sẵn, các thiết bị và sản phẩm trang trí nội thất.

- Nhóm ngành công nghiệp điện tử, viễn thông: dây cáp điện; thiết bị ngành điện; thiết bị quang học; thiết bị điện tử viễn thông.

- Nhóm ngành công nghiệp hoá chất, dược phẩm, mỹ phẩm như: sản xuất thuốc thú y; sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa và các chế phẩm vệ sinh; hoá chất trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (xử lý chất thải); keo dán công nghiệp, các loại hoá chất phụ trợ khác (không bao gồm hoá chất cơ bản); sản xuất các sản phẩm từ nhựa.

- Nhóm ngành công nghiệp dệt may (không bao gồm công đoạn nhuộm).

- Dự án dầu khí: hoá dầu (xăng dầu, dầu nhờn, khí hoá lỏng).

- Nhóm ngành khác:

+ Khí công nghiệp, khí y tế.

+ Công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ cao su thiên nhiên và tổng hợp (không bao gồm công đoạn chế biến mũ cao su): vỏ ruột xe và các thành phần có liên quan, găng tay, bao tay y tế, linh kiện máy móc và các dụng cụ khác làm từ cao su.

+ Công nghiệp da, giày và phụ kiện (không bao gồm các công đoạn sơ chế da, thuộc da theo Công văn số 8599/UBND-CNN ngày 11/12/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai).

+ Sản xuất gia công bao bì các loại (giấy, kim loại, nhựa thủy tinh).

+ Công nghệ sinh học: Sản xuất các chế phẩm vi sinh, các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học.



+ Sản xuất hàng tiêu dùng: Sản xuất các sản phẩm, thiết bị cho lĩnh vực thể thao, đồ chơi trẻ em, nữ trang, văn phòng phẩm.

+ Các ngành dịch vụ: Ngân hàng, bưu điện, viễn thông, các dịch vụ giải trí, nhà hàng, phần mềm máy tính, cung ứng vật tư, nhiên liệu; dịch vụ kho bãi nhà xưởng cho thuê, dịch vụ logistic; các loại dịch vụ khác theo quy định của pháp luật cho phép.

#### 1.2.2.2. Ngành nghề bổ sung

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến thực phẩm (không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm).

- Nhóm ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện.

- Nhóm ngành công nghiệp sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất giấy từ gỗ nguyên liệu và phế liệu).

- Nhóm ngành công nghiệp hóa chất và sản phẩm hóa chất (không bao gồm sản xuất hóa chất cơ bản).

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

#### 2.1.1. Các tác động chính trong giai đoạn xây dựng

- Hoạt động thi công san nền, dọn dẹp sinh khối rừng cao su, thi công hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật còn lại và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, sinh khối cây cao su, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (đất thải, phế thải thi công), chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến môi trường không khí, chất lượng nước mặt, giao thông và sinh hoạt của người dân xung quanh.

#### 2.1.2. Các tác động chính giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các công ty, nhà máy, xí nghiệp trong Khu công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, phát sinh tiếng ồn, độ rung, mùi hôi, bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của khu vực nhà điều hành Khu công nghiệp.

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

#### 2.2.1. Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải bao gồm (1) nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án phát sinh khoảng 4,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm; (2)



nước thải xây dựng phát sinh khoảng  $7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; (3) nước thải phát sinh từ các nhà máy đang hoạt động trong Khu công nghiệp phát sinh khoảng  $707,7 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; thành phần chủ yếu gồm hợp chất hữu cơ ( $\text{BOD}_5$ ,  $\text{COD}$ ), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, vi sinh vật, kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất hoạt động bề mặt,....

#### 2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Tổng lượng nước thải phát sinh từ các nhà máy và khu điều hành, dịch vụ trong Khu công nghiệp phát sinh khoảng  $10.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; thành phần chủ yếu gồm hợp chất hữu cơ ( $\text{BOD}_5$ ,  $\text{COD}$ ), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, vi sinh vật, kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất hoạt động bề mặt,....

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

#### 2.3.1. Giai đoạn xây dựng:

- Các hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục, công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải làm phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu gồm: bụi,  $\text{CO}$ ,  $\text{NO}_2$ ,  $\text{SO}_2$ .

#### 2.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi Khu công nghiệp sẽ phát sinh bụi, khí thải chứa  $\text{CO}$ ,  $\text{NO}_x$ ,  $\text{SO}_2$ ,.... với tải lượng phát sinh bụi khoảng  $384,4 \text{ g/h}$ ;  $\text{SO}_2$  là  $6,2 \text{ g/h}$ ;  $\text{NO}_x$  là  $4.518,75 \text{ g/h}$ ;  $\text{CO}$  là  $1.931,25 \text{ g/h}$ .

- Hoạt động của các nhà máy trong Khu công nghiệp sẽ phát sinh bụi, khí thải có thành phần  $\text{CO}$ ,  $\text{NO}_x$ ,  $\text{SO}_2$ , khói hàn, bụi kim loại, VOCs từ quá trình sơn; bụi sơn,....

- Hoạt động Trạm xử lý nước thải tập trung, tập kết chất thải phát sinh mùi hôi, khí  $\text{H}_2\text{S}$ ,  $\text{CH}_4$  từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

#### 2.4.1. Giai đoạn xây dựng:

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động trên công trường phát sinh lượng chất thải rắn khoảng  $50 \text{ kg/ngày đêm}$ . Thành phần chủ yếu là các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ,...

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, di chuyển cây xanh phát sinh sinh khối với khối lượng ước tính khoảng  $5.010$  tấn. Thành phần chủ yếu gồm: sinh khối thân và rễ cây.

- Chất thải xây dựng phát sinh khoảng  $853,4$  tấn; thành phần sắt, thép, xi măng, cốp pa, giăng,...

#### 2.4.2. Giai đoạn hoạt động:



- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ, công nhân viên làm việc tại các nhà máy, khu điều hành Khu công nghiệp phát sinh khoảng 40 tấn/ngày; thành phần đặc trưng gồm hữu cơ (thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...), vô cơ (vỏ bao bì túi nilon, lon nước ngọt,...).

- Chất thải rắn sản xuất từ các nhà máy trong Khu công nghiệp được dự báo phát sinh khoảng 142 tấn/ngày đêm; thành phần chủ yếu gồm bavia thải, vỏ bao bì đựng nguyên, nhiên, vật liệu, sản phẩm hỏng,...

## 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

### 2.5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thay thế thiết bị chiếu sáng, thi công xây dựng phát sinh lượng chất thải nguy hại khoảng 450kg. Thành phần chủ yếu gồm giẻ lau găng tay dính dầu, dầu thải, bao bì cứng thải bằng nhựa, bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại (thùng chứa dầu,...), bóng đèn huỳnh quang,...

### 2.5.2. Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các nhà máy trong Khu công nghiệp với khối lượng ước tính khoảng 831 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu gồm giẻ lau găng tay dính dầu, dầu thải, bao bì cứng thải bằng nhựa, bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại (thùng chứa dầu,...), bóng đèn huỳnh quang,...

## 2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

- Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh phải được phân tích xác định ngưỡng chất thải nguy hại.

- Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện giao thông, tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động của công nhân và tiếng ồn do hoạt động sản xuất của các máy móc, thiết bị; dung môi hữu cơ bay hơi,...

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

#### 3.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trên công trường được thu gom đưa về 04 nhà vệ sinh di động (dung tích hầm chứa 400 lít) sau đó thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý; tuyệt đối không thải ra môi trường.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải → Nhà vệ sinh di động → Thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý.

- Nước thải thi công có chứa hàm lượng cặn lơ lửng được thu gom và xử lý bằng phương pháp lắng (bố trí các hố lắng có dung tích  $2m^3 + 3m^3$  tại các khu vực phát sinh), sau đó, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công



nghiệp. Bùn đất, cát tại hồ lắng được nạo vét và thuê các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của Dự án và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

### 3.1.2. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt tại các nhà máy, khu điều hành Khu công nghiệp được thu gom và xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại; nước thải sản xuất từ các nhà máy được thu gom, xử lý bằng công nghệ phù hợp theo đặc thù sản xuất đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Khu công nghiệp; dẫn vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp và đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, chia làm 03 giai đoạn (giai đoạn 1 công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; giai đoạn 2 công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; giai đoạn 3 công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm) để tiếp tục xử lý.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Hệ thống các bể tự hoại → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Công trình xử lý sơ bộ tại các nhà máy với công nghệ phù hợp theo đặc thù sản xuất → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Sơ đồ quy trình, công nghệ Trạm xử lý nước thải tập trung hiện hữu của Khu công nghiệp, công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm (giai đoạn 1):

Nước thải → Hồ bom và tách rác (01 bể, dung tích khoảng 498,48m<sup>3</sup>) → Bể tách dầu (01 bể, dung tích khoảng 95,4m<sup>3</sup>) → Bể điều hòa (01 bể, dung tích khoảng 696,85m<sup>3</sup>) → Bể keo tụ (01 bể, dung tích khoảng 16,5m<sup>3</sup>) → Bể tạo bông (01 bể, dung tích khoảng 38,28m<sup>3</sup>) → Bể lắng hóa lý (01 bể, dung tích khoảng 411,8m<sup>3</sup>) → Bể Selector (02 bể, tổng dung tích 160m<sup>3</sup>) → Bể SBR (02 bể, tổng dung tích khoảng 1.974 m<sup>3</sup>) → Hồ kiểm chứng (01 hồ, dung tích khoảng 2.495,6m<sup>3</sup>) → Bể khử trùng (01 bể, dung tích khoảng 180,9m<sup>3</sup>) → Bể quan trắc nước thải (01 bể, dung tích khoảng 10,8m<sup>3</sup>) → QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>r</sub> = 0,9 → Suối Bung Môn.

- Sơ đồ quy trình, công nghệ Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm (giai đoạn 2):



Nước thải → Hồ bơm và tách rác → Bể tách dầu (01 bể, dung tích khoảng  $95,4\text{m}^3$ ) → Bể điều hòa (01 bể, dung tích khoảng  $696,85\text{m}^3$ ) → Bể keo tụ (01 bể, dung tích khoảng  $16,5\text{m}^3$ ) → Bể tạo bông (01 bể, dung tích khoảng  $38,28\text{m}^3$ ) → Bể lắng hóa lý (01 bể, dung tích khoảng  $411,8\text{m}^3$ ) → Bể Selector (02 bể, tổng dung tích  $160\text{m}^3$ ) → Bể SBR (02 bể, tổng dung tích khoảng  $1.974\text{m}^3$ ) → Hồ kiểm chứng → Bể khử trùng (01 bể, dung tích khoảng  $180,9\text{m}^3$ ) → Bể quan trắc nước thải → QCVN 40:2011/BTNMT, cột A,  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$  → Suối Bung Môn.

- Sơ đồ quy trình, công nghệ Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, công suất  $5.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  (giai đoạn 3):

Nước thải → Hồ bơm và tách rác → Bể tách dầu (01 bể, dung tích khoảng  $137,5\text{m}^3$ ) → Bể điều hòa (01 bể, dung tích khoảng  $1.259,5\text{m}^3$ ) → Bể keo tụ (01 bể, dung tích khoảng  $24,18\text{m}^3$ ) → Bể tạo bông (01 bể, dung tích khoảng  $58,5\text{m}^3$ ) → Bể lắng hóa lý (01 bể, dung tích khoảng  $677,2\text{m}^3$ ) → Bể Selector (02 bể, tổng dung tích  $248,5\text{m}^3$ ) → Bể SBR (02 bể, tổng dung tích khoảng  $2.848,8\text{m}^3$ ) → Hồ kiểm chứng → Bể khử trùng → Bể quan trắc nước thải → QCVN 40:2011/BTNMT, cột A,  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$  → Suối Bung Môn.

- Bùn phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung được bơm về bể chứa bùn (02 bể, tổng dung tích khoảng  $250\text{m}^3$ ), sau đó, chuyển qua máy ép bùn ép thành dạng khô và chuyên giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

- Xây dựng 04 hồ sự cố có tổng dung tích  $30.000\text{m}^3$  ( $7.500\text{m}^3$  cho giai đoạn 1;  $7.500\text{m}^3$  cho giai đoạn 2 và  $15.000\text{m}^3$  cho giai đoạn 3).

- Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục các thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), TSS, pH, COD, amoni, nhiệt độ. Dữ liệu kết nối về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đạt cột A, QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$  trước khi thải ra suối Bung Môn; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Giai đoạn xây dựng:



- Lập hàng rào bằng tôn cao 2,5 - 3m xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

### 3.2.2. Giai đoạn hoạt động:

- Chỉ sử dụng phương tiện vận tải có nguồn gốc, đã được đăng kiểm; bố trí nhân lực tại các chốt để điều phối giao thông trong phạm vi của Khu công nghiệp; yêu cầu các phương tiện tắt động cơ khi dừng đỗ trong phạm vi của Khu công nghiệp.

- Yêu cầu mỗi nhà máy sản xuất trong Khu công nghiệp phải có những biện pháp, công trình xử lý bụi, khí thải phù hợp với đặc thù sản xuất đảm bảo quy định hiện hành; thực hiện giám sát chất lượng không khí khu vực sản xuất, chất lượng khí thải sau xử lý theo đúng tần suất đã cam kết của từng nhà máy.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để kiểm soát và giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Thường xuyên chuyển giao chất thải sinh hoạt tại kho chứa cho đơn vị chức năng để xử lý.

### 3.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

#### 3.3.1. Giai đoạn xây dựng:

- Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

- Tận dụng một phần đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu,... phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.



- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án được thu gom vào các thùng chứa thích hợp và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất thường xuyên.

### 3.3.2. Giai đoạn hoạt động:

- Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy tại khu vực điều hành, khu công trình công cộng, công trình phụ trợ của Khu công nghiệp để thu gom tất cả các chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành; thực hiện phân loại rác tại nguồn, vệ sinh và thu gom rác tại các thùng chứa rác theo đúng quy định; ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý với tần suất 01 đến 02 lần/tuần đối với chất thải sinh hoạt và 06 tháng/lần đối với chất thải rắn thông thường theo đúng quy định.

- Yêu cầu các nhà máy trong Khu công nghiệp phải thực hiện nghiêm túc việc thu gom, phân loại chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan của tỉnh Đồng Nai; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất đá thải trước khi thực hiện thi công và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

## 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

### 3.4.1. Giai đoạn xây dựng:

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công; lưu giữ trong các thùng chứa và lưu chứa tạm trong kho chứa chất thải nguy hại, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 03 đến 06 tháng/lần.

### 3.4.2. Giai đoạn hoạt động:

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành Dự án vào trong các thùng chứa và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 30 m<sup>2</sup> (bố trí trong nhà ép bùn của Trạm xử lý nước thải tập trung), bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn



và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 03 đến 06 tháng/lần.

- Yêu cầu các nhà máy trong Khu công nghiệp phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, chuyển giao chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36:2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

### 3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

- Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung phải được lấy mẫu phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại; quản lý và xử lý theo loại chất thải tương ứng theo đúng quy định.

### 3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi Khu công nghiệp; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi Khu công nghiệp.

- Trồng cây xanh đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

### 3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:



- Thực hiện công tác rà phá bom mìn tồn lưu trong toàn bộ khu vực Dự án trước khi triển khai thi công xây dựng Dự án.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo cháy tại các khu vực nhà điều hành, công trình công cộng, công trình phụ trợ của Khu công nghiệp; yêu cầu mỗi nhà máy phải lắp đặt đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy riêng theo đặc thù sản xuất; tính toán, thiết kế, xây dựng, lắp đặt các phương tiện, lối thoát hiểm ở nhà xưởng và các công trình; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ; lập phương án phòng cháy và chữa cháy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các công rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động chống ngập úng.

- Tính toán thiết kế Trạm xử lý nước thải tập trung và lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; xây dựng 04 hồ sự cố có tổng dung tích 30.000 m<sup>3</sup> (7.500 m<sup>3</sup> cho giai đoạn 1; 7.500 m<sup>3</sup> cho giai đoạn 2 và 15.000 m<sup>3</sup> cho giai đoạn 3) đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp Trạm xử lý nước thải gặp sự cố.

### 3.8. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

3.8.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn: xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa trong khu vực Dự án đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa khu vực Khu công nghiệp thoát ra 03 điểm xả (phía Tây Nam và phía Đông Nam).

3.8.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công; dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 01 Trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, chia làm 03 giai đoạn (giai đoạn 1 công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; giai đoạn 2



công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm; giai đoạn 3 công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm). 04 hồ sự cố có tổng dung tích 30.000 m<sup>3</sup> (7.500 m<sup>3</sup> cho giai đoạn 1; 7.500 m<sup>3</sup> cho giai đoạn 2 và 15.000 m<sup>3</sup> cho giai đoạn 3).

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 30 m<sup>2</sup>.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án**

### **5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công**

5.1.1. Giám sát chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

### **5.1.2. Giám sát đồ đất, đá, vật liệu thải:**

- Vị trí: tại tất cả những vị trí có phát sinh đất, đá, vật liệu thải, phế thải; giám sát việc vận chuyển đồ thải và giám sát tại vị trí bãi đổ thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại chất thải; biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu phục vụ thi công; tuyến đường vận chuyển; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

### **5.1.3. Giám sát an toàn giao thông:**

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Vị trí giám sát: xung quanh công trường thi công.



- Thông số giám sát: biển báo hiệu, biển chỉ dẫn, đèn báo hiệu, thiết bị phân làn đường, quy cách hàng rào, người phân luồng giao thông, tập kết vật liệu, chướng ngại vật, hư hỏng hạ tầng do hoạt động thi công gây ra.

### 5.2. Giám sát nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Thực hiện giám sát chất lượng nước thải theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

### 5.3. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

#### 5.3.1. Giám sát chất lượng nước thải:

##### 5.3.1.1. Giám sát định kỳ:

- Vị trí giám sát: 01 điểm (mẫu nước đầu ra sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, màu, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, tổng Xyanua, tổng Phenol, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Nitơ, tổng Photpho, Clorua, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A), hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ .

##### 5.3.1.2. Giám sát tự động:

- Vị trí giám sát: 01 điểm - mẫu nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Thông số giám sát: lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra; TSS, pH, COD, amoni, nhiệt độ.

- Tần suất giám sát: liên tục.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A), hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ .

### 5.3.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính



phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

#### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thủy lợi, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và vận hành của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn đến các đối tượng xung quanh theo quy định của pháp luật.



- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường hiện hữu trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu đề xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.

TÀI TÀI